

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BẾN TR**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103/2018/DS-ST**

Ngày: 03 - 12 -2018

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng
góp hụi ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BẾN TR**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.Thao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khắc Đoàn Cương.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đăng Phi, thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đ tham gia phiên tòa:***
Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 08 năm 2018 về việc: “ Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2018/QĐ9ST-DS, ngày 19/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Cao Thị Th**, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Bình Th, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr.

Bị đơn: **Nguyễn Thị Loan T**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 1 (Giồng Sầm), xã Bình Th, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 08 năm 2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Cao Thị Th trình bày:

Bà Loan T làm chủ hội, chị là hội viên nên chị tham gia chơi các dây hội như sau:

* Dây hội mở ngày 20/4/2016 al, hội 5 triệu đồng, hội có 22 thành viên, tháng được mở một lần vào ngày 20. Dây hội này chị tham gia một phần. Quá trình chơi hội thì đến kỳ mở hội thứ 13 tức ngày 20/4/2017 al thì chị bỏ hội và hốt được hội, bà Loan T giao đầy đủ số tiền hội được hốt. Sau khi hốt hội thì chị đã đóng lại hội chết được 4 lần tức đến ngày 20/8/2017 al thì bà Loan T vỡ hội, bỏ đi nên chị không đóng hội chết tiếp. Dây hội này còn 5 kỳ nữa thì mãi nên chị xác định còn nợ bà Loan T số tiền tiền hội chết là 25.000.000 đồng.

* Dây hội mở ngày 6/9/2016 al, hội 10.000.000 đồng, có 24 thành viên, hàng tháng hội được mở một lần, hội này chị tham gia 1 phần, bà Loan T có giao giấy hội cho chị giữ, giấy hội ghi tên chị là “Chị Th tôm”, dây hội này thì chị đã đóng được 12 lần với tổng số tiền là 73.300.000 đồng. Những lần đóng hội do bà Loan T đến nhà chị góp và chị là người trực tiếp giao tiền.

Sau khi tuyên bố vỡ hội tháng 8 năm 2017 al thì bà Loan T bỏ đi cho đến tháng 9 năm 2017 al thì bà trở về và hai bên có giáp mặt để tính toán số nợ như sau:

Tổng số tiền đóng hội sống cho dây hội mở ngày mùng 6/9/2016 al 12 lần là 72.300.000 đồng, còn phần hội chết cho dây hội mở ngày 20/4/2016 al thì chị còn nợ lại bà Loan T là 25.000.000 đồng, nên bà Loan T còn nợ lại chị là 42.300.000 đồng. Sau khi kết nợ thì ngày 15/8/2017 al bà Loan T trả được 2 triệu đồng, ngày 3/9/2017 al trả tiếp được số tiền 2 triệu đồng. Tính đến tháng 9/2017 al bà Loan T còn nợ chị số tiền là 38.300.000 đồng thì bà Loan T không trả nữa.

Theo kết quả giám định của Tòa án thu thập được từ vụ án mà bà Nguyễn Thị L kiện bà Loan T có giấy nợ mà do chính bà Loan T viết và bà xác định còn nợ lại chị số tiền 36.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Th rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2018 với số tiền là 144.000.000 đồng, chị yêu cầu Tòa án giải

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Loan T nhưng bà Loan T không đến Tòa án, nên không thu thập được lời khai của ông, bà.

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự:

Hội đồng xét xử thực hiện tốt các nguyên tắc xét xử.

Bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên chưa thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của đương sự theo luật định.

Căn cứ chị Th kiện bà Loan T là giấy chốt nợ do bà Loan T viết ra, được Tòa án thu thập theo đúng trình tự quy định nên dùng làm căn cứ cho giải quyết vụ án. Theo nội dung chứng cứ trên thì bà Loan T còn nợ chị Th số tiền là 36.000.000 đồng, nên chị Th kiện là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự, Nghị định số 144/CP quy định về họ, húy, biêu, phùng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại phiên tòa, chị Cao Thị Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Loan T với số tiền là 144.000.000 đồng. Xét thấy: Việc rút đơn này là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu mà chị Cao Thị Th đã rút được quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân

sự.

[3] Xét chứng cứ do Tòa án thu thập (b1 23 – 35) theo yêu cầu của chị Cao Thị Th. Trong đó có tài liệu là: Giấy kết nợ gồm có 05 (năm) trang viết bằng mực màu đỏ. Tại trang thứ 1 có nội dung: *Tại mục 2)* đã ghi:

“ chị Th 42 triệu;

Còn nợ 36.000.000 đồng”

Xét thấy: Tại kết luận giám định số 130/2018/GĐTL ngày 03/08/2018 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bến Tr đã kết luận:

“ Chữ viết bằng mực màu đỏ tại trang 1, trang 2 và trang 3 có nội dung: “ 170 cậu Tuổi: Vốn 29T... còn nợ gốc 180.000.000 đồng” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của Nguyễn Thị Loan T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M 1 đến M 5) do cùng một người viết ra. Qua xem xét nội dung giám định trên thì tên của chị Cao Thị Th được ghi ở số thứ tự (2) có nội dung như sau:

“ *Chị Th: 42 triệu, còn nợ 36 triệu*”

Xét thấy: Chứng cứ trên được Tòa án thu thập theo trình tự luật định tại các Điều 93, 94, 95 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được dùng làm chứng cứ cho việc giải quyết vụ án.

Từ chứng cứ trên, có đầy đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Bà Loan T đã thừa nhận còn nợ chị Cao Thị Th (Th tôm) với số tiền 36.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu cầu khởi kiện của chị Th là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Loan T phải có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thị Th số tiền nợ hui là 36.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Loan T phải có nghĩa vụ chịu án phí là: 36.000.000 đồng x 5% = 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 471, 468 Bộ luật dân sự; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ- CP

ngày 27/11/2006 Nghị định của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xu²:

1/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Th đối với bà Nguyễn Thị Loan T với số tiền 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Th đối với bà Nguyễn Thị Loan T. Về việc : “ Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Buộc bà Nguyễn Thị Loan T phải có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thị Th số tiền hui là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Loan T phải chịu 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng) án phí.

Chị Cao Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019246, ngày 30 tháng 08 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Nguyễn Thị Loan T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tr
(Phòng KTNV& THA);
- VKSND huyện Bình Đ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

